

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 5 – 2019

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia
đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng; bà Nguyễn Thị Minh Tuyết

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hải Thuần - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2019 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2019/TLST - HNGĐ, ngày 18/01/2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07A/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 12/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Trần Công T**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Xóm S, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

2. Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị Mai D**, sinh năm 1993; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Ucraina (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, anh Trần Công T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Công T và chị Nguyễn Thị Mai D tìm hiểu và đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 23/02/2016. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Đến tháng 8 năm 2016, mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, chị D bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và sau đó chị D đi xuất khẩu lao động tại Ucraina, từ đó vợ chồng không có điều kiện thời gian bên nhau để hàn gắn những mâu thuẫn dẫn đến tình cảm không còn, đòi

sống chung của hai vợ chồng không thể tiếp tục hàn gắn, hòa hợp. Vì vậy, anh T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng anh T và chị D chưa có con chung

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Công T. Xử cho anh Trần Công T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai D; về con chung: không có; về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Mai D hiện đang lao động tại Ucraina, không có địa chỉ cụ thể. Tại công văn số 7802/QLXNC-P5, ngày 15/5/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Chị Nguyễn Thị Mai D đã xuất cảnh ngày 09/11/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 BLTTDS.

[1.2] Tòa án đã tiến hành xác minh qua người thân của chị D là bà Võ Thị T, mẹ đẻ chị D (tại biên bản xác minh ngày 05/3/2019 và Biên bản xác minh ngày 22/3/2019), bà T cho biết chị D có liên lạc với gia đình qua điện thoại, biết việc anh T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, chị D cũng như người nhà không cung cấp địa chỉ cụ thể, Bà T đồng ý với yêu cầu của chị D và đề nghị Tòa án giao các văn bản tố tụng của Tòa án thông qua gia đình chị D và bà T cam đoan sẽ gửi và thông tin đầy đủ cho chị D, nếu chị D gửi tài liệu về thì ông bà sẽ giao nộp cho Tòa án. Theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Mai D theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Công T và chị Nguyễn Thị Mai D đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn 23/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không tìm thấy tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Đến tháng 8 năm 2016, mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, chị D bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và sau đó chị D đã đi xuất khẩu lao động Ucraina, từ đó vợ chồng không có điều kiện thời gian bên

nhau để hàn gắn những mâu thuẫn. Theo anh T thì mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn yêu thương nhau. Hiện tại, cả hai không liên lạc với nhau. Mỗi người đều có cuộc sống riêng và mong muốn được ly hôn.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng cuộc hôn nhân của anh T và chị D không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*”. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Công T xử cho anh Trần Công T và chị Nguyễn Thị Mai D được ly hôn với nhau để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Quan hệ con chung: Không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 28, 37, 227, 273, 469, 479, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Công T. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Trần Công T và bị đơn chị Nguyễn Thị Mai D được ly hôn với nhau.

2. Về án phí: Buộc anh Trần Công T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001273 ngày 18/01/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã T;
- Đường sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Đào